

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung

Công ty Cholimex thuộc sở hữu Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở hoạt động của Công ty là Số 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: theo giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 7118/QĐ-UBND của UBND TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 12 năm 2015 về quyết định xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 865.866.719.013 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư - Sản xuất - Xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông lâm thủy hải sản, thực phẩm, súc sản, dược liệu, thủ công mỹ nghệ, công nghệ phẩm, cơ điện, giày da, may mặc, dệt, dệt kim, hóa chất, nhựa, Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc và hàng hóa phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Dịch vụ đầu tư và kiều hối. Sản xuất kinh doanh ngành điện tử, điện toán. Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Mua bán bách hóa, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng xe, dịch vụ cho thuê kho bãi, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Tạo mẫu, in lụa trên các sản phẩm bao bì. Kinh doanh xăng dầu, siêu thị. Dịch vụ tư vấn và lập thiết kế xây dựng, tư vấn chuyển giao công nghệ, cho thuê nhà xưởng, đại lý bưu điện viễn thông, cung cấp bữa ăn công nghiệp, cung cấp điện, nước, thu gom rác công nghiệp và cung cấp cây xanh cho các nhà máy trong khu công nghiệp. Tư vấn đầu tư. Dịch vụ thương mại. Dịch vụ văn phòng. Dịch vụ vận tải. Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Vĩnh Lộc. Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Thực hiện Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 13 tháng 05 năm 2014 của UBND TP Hồ Chí Minh về việc cổ phần hóa doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn. Trong năm, Công ty đã điều chỉnh lại giá trị doanh nghiệp căn cứ theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam xác định, Quyết định số 7118/QĐ-UBND của UBND TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 12 năm 2015 về quyết định xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn và Quyết định số 7195/QĐ-UBND của UBND TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 12 năm 2015 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn thuộc Công ty cổ phần đầu tư tài chính nhà nước thành Công ty cổ phần.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc

Trung tâm giao dịch thương mại quốc tế Chợ Lớn
Xí nghiệp Dịch vụ Kinh doanh Nuôi trồng Thủy Hải sản
Trung tâm Tôm giống Cholimex

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Các công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	100,00%	100,00%	Kinh doanh hạ tầng, nhà xưởng khu công nghiệp Vĩnh Lộc
Công ty cổ phần May Cholimex	75,03%	75,03%	May mặc, cho thuê xưởng

Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Các công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần Thực phẩm Cholimex	40,72%	40,72%	Sản xuất thực phẩm
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức	24%	24%	Kinh doanh hạ tầng, nhà xưởng khu công nghiệp

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 (được trình bày tại mục III.1). Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm tài chính hiện tại.

II. NĂM TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Năm tài chính

Năm tài chính thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Một thành viên Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty TNHH Một thành viên Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") cung cấp hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Thông tư 200 và thông tư 202 áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.

2. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ toàn bộ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định có liên quan đến công tác kế toán trên các phương diện trọng yếu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế ngoài nước Việt Nam. Do đó, các nguyên tắc và thực hành kế toán tại Việt Nam có thể khác với nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng) sẵn sàng có thể chuyển đổi thành tiền mà không gặp bất kỳ rủi ro trọng yếu nào.

2. Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh tức là mua để bán lại để tạo lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết;

Công ty liên kết là một công ty mà công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư, các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản vốn góp của công ty mẹ tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán trước khi đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập nếu đơn vị nhận đầu tư sau đó có một khoản lợi nhuận cán trừ với các khoản lỗ trước đó đã được dự phòng. Khoản dự phòng được lập chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ước tính có thể thu được. Giá trị của các khoản phải thu được ước tính dựa trên giá trị ghi sổ các khoản phải thu trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi ước tính cho phần giá trị bị tổn thất do quá hạn thanh toán, khách hàng không có khả năng thanh toán.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cho hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng trạng thái và địa điểm hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cùng với các chi phí phát sinh trong quá trình tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên/kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập theo quy định hiện hành cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian khấu hao ước tính của các tài sản. Thời gian khấu hao ước tính của các tài sản cố định tại Công ty được áp dụng như sau:

<i>Nhà xưởng vật kiến trúc</i>	<i>25 năm</i>
<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>03 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>06 - 10 năm</i>
<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>05 năm</i>

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>20 năm</i>
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>8 năm</i>

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả các chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn, được thể hiện theo giá trị còn lại. Chi phí trả trước được vốn hóa và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước mang lại lợi ích kinh tế trên 01 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền sẽ phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã được nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trích trước.

11. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính tốt nhất về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo.

12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định dựa trên các khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi từ các khoản đầu tư đó

13. Chi phí

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các khoản chi phí lãi vay khác phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày theo tổng giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế có liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định các loại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo thời kỳ và việc xác định sau cùng thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.788.924.838	2.106.879.589
Tiền gửi ngân hàng	53.672.458.129	50.511.428.760
Tương đương tiền	32.701.182.361	63.521.297.976
	88.162.565.328	116.139.606.325

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Cuối năm	Đầu năm
Giá ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết (i)	325.620.000.000	77.570.000.000
Phần lợi ích của công ty mẹ trong lợi nhuận của công ty liên kết	8.595.723.806	8.955.279.723
Trừ cổ tức nhận được trong năm	-	(5.606.600.000)
Giá trị điều chỉnh	(234.258.107.378)	27.965.858.924
	99.957.616.428	108.884.538.647

(i): Giá trị ghi sổ	Cổ phiếu cuối năm	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Thực phẩm Cholimex (*)	3.298.000	296.820.000.000	41.820.000.000
- Công ty CP ĐT&XD KCN Vĩnh Lộc-Bến Lức (**)	2.880.000	28.800.000.000	28.800.000.000
- Công ty CP TMDL Mìmoza Xanh (***)	-	-	4.550.000.000
- Công ty CP ĐT-PT Thủy sản Chợ Lớn (****)	-	-	2.400.000.000
		325.620.000.000	77.570.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(*) : Khoản đầu tư chiếm 40,72% vốn điều lệ của Công ty CP Thực phẩm Cholimex. Trong năm, Công ty ghi nhận giá trị tăng thêm căn cứ vào hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam thẩm định và Quyết định số 7118/QĐ-UBND của UBND TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 12 năm 2015 về quyết định xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn.

(**) : Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KCN Vĩnh Lộc - Bến Lức, với tỷ lệ 24% vốn điều lệ. Trong đó: đầu tư trực tiếp của công ty mẹ là 10% vốn điều lệ và Công ty con đầu tư 14% vốn điều lệ. Theo công văn số 6385/UBND-TM ngày 29 tháng 11 năm 2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao cho Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng KCN Vĩnh Lộc - Bến Lức. Tại thời điểm lập báo cáo hợp nhất này, Công ty đang trong quá trình thực hiện theo công văn nêu trên.

(***) : Khoản đầu tư bán giao lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo công văn số 5688/UBND-CNN ngày 24/09/2015.

(****) : Trình bày khoản đầu tư dài hạn khác do giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới 20%.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tổng tài sản	1.787.254.302.928	1.739.983.519.102
Tổng nợ phải trả	1.526.877.915.459	1.442.411.622.387
Tài sản thuần	260.376.387.469	297.571.896.715
Phần lợi ích của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty liên kết	99.957.616.428	108.884.538.647

Thông tin kết quả kinh doanh tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	1.284.356.736.996	1.189.108.085.629
Lãi/(lỗ) thuần	3.558.086.301	9.038.478.799
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	8.595.723.806	8.955.279.723

2b. Đầu tư dài hạn khác

	Cổ phiếu cuối năm	Cuối năm	Đầu năm
+ Giá gốc			
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Việt Sô (*)	-	-	3.480.000.000
- Công ty CP Tanimex (**)	4.622.002	101.684.044.000	23.110.010.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cholimex (***)	550.200	5.502.000.000	5.502.000.000
- Công ty CP ĐT-PT Thủy sản Chợ Lớn (****)		2.000.000.000	
- Công ty CP Nước giải khát Sài Gòn (****)	15.000	1.050.000.000	1.050.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Đô thị Chợ Lớn (****)	12.000	690.360.000	690.360.000
		110.926.404.000	33.832.370.000

(*) : Bán giao lại cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam theo công văn số 5688/UBND-CNN ngày 24 tháng 9 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(**) Khoản đầu tư tăng thêm căn cứ vào hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp do Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam thẩm định và Quyết định số 7118/QĐ-UBND của UBND TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 12 năm 2015 về quyết định xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn.

(***): Các khoản đầu tư chưa thu thập đầy đủ thông tin tài chính để xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3. Phải thu khách hàng

Ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Giấy Xuân Mai	23.266.552.301	-
Phải thu khách hàng khác (*)	41.452.465.842	41.746.923.184
	64.719.018.143	41.746.923.184

(*) Bao gồm các khoản nợ phải thu chưa xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Cuối năm	Đầu năm
- DNTN Biên Hòa Ô tô	985.944.953	985.944.953
- Cửa Hàng 503 An Dương Vương	140.000.000	140.000.000
- Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Tân Sanh	1.244.354.847	1.244.354.847
- Công ty TNHH Minh Việt Long	1.166.839.840	1.166.839.840
- Công ty TNHH Thiện Ân	8.732.498.580	8.812.498.580
- Công ty TNHH Toàn Thành	2.437.717.222	2.437.717.222
- Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Cholimex	5.547.310.963	5.547.310.963
- Công ty CP Dịch vụ Đô thị Chợ Lớn	1.197.357.963	1.197.357.963
- Công ty TNHH Phúc An Thịnh	22.475.053	22.475.053
- Công ty TNHH Chi Ho Ha	449.000.000	449.000.000
	21.923.499.421	22.003.499.421

4. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Thực Phẩm Cholimex (cổ tức)	8.245.000.000	5.606.600.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	800.000.000	815.500.000
Tạm ứng	79.060.000	18.025.000
Các khoản phải thu khác (*)	7.601.461.063	10.132.052.110
	16.725.521.063	16.572.177.110

b. Dài hạn

Công ty CP Dịch vụ Đô thị Chợ Lớn	181.856.461	181.856.461
Công ty CP xây dựng Cholimex	4.696.233.995	7.333.745.659
	4.878.090.456	7.515.602.120

(*) Gồm các khoản phải thu lâu năm vẫn chưa xem xét trích lập dự phòng nợ khó đòi:

	Cuối năm	Đầu năm
- CH Đại Phước Sơn	158.825.076	158.825.076
- Didal	320.833.440	320.833.440
- Fenfat	44.419.852	44.419.852
- Getranimex	140.428.402	140.428.402
- H&M Co., Ltd	295.014.356	295.014.356
- Hamrickg	456.883.863	456.883.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Hsien Pin Frozen Food	99.679.230	99.679.230
- JD Group INC	27.006.859	27.006.859
- Jhung Fishier	106.557.000	106.557.000
- Kocm T Ltd	123.425.296	123.425.296
- Norpolk Textitle PTE Ltd	91.644.600	91.644.600
- Phạm Tấn Lộc	582.862.601	582.862.601
- Công ty CP Dịch vụ Đô thị Chợ Lớn	300.000.000	300.000.000
	2.747.580.575	2.747.580.575

5. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	2.180.945.440	-	2.836.336.350	-
Nguyên liệu, vật liệu	265.964.969	-	325.065.409	-
Công cụ dụng cụ	420.388.667	-	385.962.032	-
Thành phẩm	295.793.245	(193.079.245)	346.606.799	(205.011.110)
Hàng hóa	9.538.421.140	-	20.523.919.017	-
	12.701.513.461	(193.079.245)	24.417.889.607	(205.011.110)

6. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối năm	Đầu năm
- Khu dân cư, tái định cư Vĩnh Lộc Mở Rộng 44.62ha	100.130.678.185	100.130.678.185
- Khu lưu trú công nhân, khu tái định cư 3.8ha	11.581.613.510	19.121.174.795
- Công trình XD CB dở dang khác	42.707.748.127	14.838.891.053
	154.420.039.822	134.090.744.033

7. Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình

Xem phụ lục 01 kèm theo

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	20.315.839.057	410.153.819	-	20.725.992.876
- Tăng khác	6.390.766.943	-	-	6.390.766.943
Số dư cuối năm	26.706.606.000	410.153.819	-	27.116.759.819
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	216.125.946	288.096.311	-	504.222.257
- Khấu hao trong năm	216.125.946	32.334.996	-	248.460.942
Số dư cuối năm	432.251.892	320.431.307	-	752.683.199
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	20.099.713.111	122.057.508	-	20.221.770.619
Tại ngày cuối năm	26.274.354.108	89.722.512	-	26.364.076.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Bất động sản đầu tư

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	657.414.829.314	268.904.888.831	-	926.319.498.145
- Quyền sử dụng đất		-	-	-
- Nhà	164.194.660.782	5.428.890.901	-	169.623.551.683
- Nhà và quyền sử dụng đất	3.444.496.034	4.548.990.526	-	7.993.486.560
- Cơ sở hạ tầng	489.775.472.498	258.926.987.404	-	748.702.459.902
Giá trị hao mòn lũy kế	204.460.581.908	54.864.991.263	-	259.325.553.169
- Quyền sử dụng đất		-	-	-
- Nhà	10.397.653.394	470.043.888	-	10.867.707.282
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.900.213.613	4.887.078.274	-	6.787.291.887
- Cơ sở hạ tầng	192.162.684.899	49.507.869.101	-	241.670.554.000
Giá trị còn lại	452.954.067.408	214.039.877.568	-	666.993.944.976
- Nhà và quyền sử dụng đất	1.544.282.421	(338.087.748)	-	1.206.194.673
- Cơ sở hạ tầng	297.612.787.599	209.419.118.303	-	507.031.905.902

10. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP sữa Vinamilk		-	3.585.280.158	3.585.280.158
Người bán khác	3.978.300.270	3.978.300.270	3.292.402.183	3.292.402.183
	3.978.300.270	3.978.300.270	6.877.682.341	6.877.682.341

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a. Thuế phải nộp

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.504.468.425	2.100.658.531
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.178.646.657	5.668.104.671
- Thuế thu nhập cá nhân	23.875.395	91.115.148
- Thuế tài nguyên	31.617.832	30.061.986
- Thuế, phí lệ phí khác	16.472.607.470	14.772.053.087
	25.211.215.779	22.661.993.423

b. Thuế phải thu

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.056.489.860	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	204.828	120.711.609
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.000.000	42.000.000
- Thuế thu nhập cá nhân	86.745.237	-
- Thuế tự vệ chống bán phá giá	66.963.871	-
- Thuế khác	1.250.094.842	2.193.288.042
	2.502.498.638	2.355.999.651

12. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	241.819.133	220.443.623
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.124.923.726	1.876.597.027
	3.366.742.859	2.097.040.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	27.662.203.862	23.338.716.427
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
	27.662.203.862	23.338.716.427

13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Tại ngày đầu năm	15.265.735.440	5.133.205.091
Trích lập trong năm	6.554.820.508	15.347.036.867
Quỹ đã sử dụng	(13.408.507.565)	(5.206.801.986)
Tại ngày cuối năm	8.412.048.383	15.273.439.972

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất tại khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Dài hạn				
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) (*)	61.500.000.000	61.500.000.000	69.700.000.000	69.700.000.000
	61.500.000.000	61.500.000.000	69.700.000.000	69.700.000.000

(*): Khoản vay theo hợp đồng số 180BVL10, ngày 12 tháng 05 năm 2010, với thời hạn 13 năm, mục đích xây dựng khu lưu trú công nhân KCN Vĩnh Lộc, Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án khu lưu trú công nhân.

16. Quỹ khen phát triển khoa học, công nghệ

Theo quy định, quỹ khoa học công nghệ được phép trích tối đa không quá 10% thu nhập chịu thuế, tình hình trích lập và sử dụng quỹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tại ngày đầu năm	3.893.839.982	188.341.606
Trích lập trong năm	1.338.861.402	3.705.498.376
Quỹ đã sử dụng		
Tại ngày cuối năm	5.232.701.384	3.893.839.982

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem phụ lục 02 kèm theo

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
+Vốn góp đầu năm	181.396.393.039	190.735.758.982
+ Vốn góp tăng trong năm	684.470.325.974	-
+ Vốn góp giảm trong năm		(9.339.365.943)
+ Vốn góp cuối năm (*)	865.866.719.013	181.396.393.039

(*): Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 7118/QĐ-UBND của UBND TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 12 năm 2015 về quyết định xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 865.866.719.013 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại công ty cổ phần May Cholimex chiếm 25% vốn điều lệ tại công ty này. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

	Tỷ lệ	Năm nay	Năm trước
Vốn điều lệ của công ty CP May Cholimex		15.300.000.000	15.300.000.000
Trong đó:			
Vốn góp của Công ty mẹ	75%	11.479.000.000	11.479.000.000
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25%	3.821.000.000	3.821.000.000

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng tài sản	9.739.653.231	9.772.996.429
Tổng nợ phải trả	23.920.374.655	23.646.814.352
Tài sản thuần	(14.180.721.424)	(13.873.817.923)
Trong đó:		
Vốn điều lệ	15.300.000.000	15.300.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(29.480.721.424)	(29.173.817.923)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(3.541.472.978)	(3.464.827.339)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của Công ty con	(306.903.501)	(177.724.033)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(76.645.639)	(44.384.544)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	738.846.938.797	665.033.392.205
	738.846.938.797	665.033.392.205

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	1.629.962.110	2.566.421.724
	1.629.962.110	2.566.421.724

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ cung cấp	643.604.854.979	591.772.808.100
	643.604.854.979	591.772.808.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.288.617.002	7.912.425.230
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.954.484.265	24.945.740.793
Chuyển nhượng cổ phần	-	803.070.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.210.127	421.217.028
	39.246.311.394	34.082.453.051

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.394.886.645	1.457.794.343
Hoàn nhập dự phòng	-	(716.029.521)
Chênh lệch tỷ giá	2.081.492.435	174.870.282
Chi phí tài chính khác	49.986.132	4.560.025
	3.526.365.212	921.195.129

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	10.835.524.156	8.744.532.086
	10.835.524.156	8.744.532.086

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	4.967.781.308	3.829.577.214
	4.967.781.308	3.829.577.214

8. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí khác bằng tiền	19.405.201.233	14.284.062.179
	19.405.201.233	14.284.062.179
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	34.826.372.871	28.568.032.782
Chi phí vật liệu quản lý	489.822.984	323.647.997
Khấu hao	2.058.070.628	2.608.948.473
Thuế, phí và lệ phí	426.207.284	328.045.103
Chi phí quản lý khác	22.688.828.504	21.868.743.027
	60.489.302.271	53.697.417.382

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	8.155.392.188	5.884.760.332
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.155.392.188	5.884.760.332

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

a. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền		88.162.565.328	116.139.606.325
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác		82.507.052.533	51.135.872.733

b. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

c. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi có kỳ hạn. Rủi ro tín dụng của Công ty từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng tổ chức phát hành công cụ. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty phân tích độ tin cậy của tổ chức phát hành trước khi mua các công cụ này. Ban Giám đốc đánh giá tổ chức phát hành có sổ sách theo dõi tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ này thấp. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, được giữ chủ yếu bởi các tổ chức danh tiếng. Ban điều hành không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và tin rằng các tổ chức tài chính này không thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

d. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty từ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét khi cần. Khách hàng không thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Điều hành tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm lãi suất ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Trong vòng 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Vay	-	61.500.000.000	61.500.000.000
Phải trả người bán	3.978.300.270	-	3.978.300.270
Phải trả người lao động	17.559.559.359	-	17.559.559.359
Chi phí phải trả	938.444.961	-	938.444.961
Các khoản phải trả khác	3.366.742.859	27.662.203.862	31.028.946.721
	25.843.047.449	89.162.203.862	115.005.251.311

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015

	Trong vòng 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Vay	785.000.000	69.700.000.000	70.485.000.000
Phải trả người bán	6.877.682.341	-	6.877.682.341
Phải trả người lao động	12.027.984.480	-	12.027.984.480
Chi phí phải trả	1.513.341.916	5.596.445.200	7.109.787.116
Các khoản phải trả khác	2.097.040.650	23.338.716.427	25.435.757.077
	23.301.049.387	98.635.161.627	121.936.211.014

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức thấp và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn. Hơn nữa, các nhà đầu tư xác nhận sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính nhằm đảm bảo Công ty có khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được. Ban Giám đốc nhận định, rủi ro về thị trường tại công ty là rất thấp.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC



HUỲNH AN TRUNG
Phó tổng giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2015


VÕ VĂN ĐÀ
Kế toán trưởng